

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2023

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiền

Bà Trần Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST – HNGĐ ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: thôn x, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: anh Phạm Văn T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: thôn x, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: vào năm 2004 chị và anh T về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới nhưng đến ngày 11/10/2005 mới đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống

không hòa thuận hạnh phúc mặc dù có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được. Tuy nhiên, đến cuối năm 2018 thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa, cãi nhau thường xuyên nguyên nhân do anh T nóng tính, không tôn trọng chị nên hay xúc phạm chị và anh T không chăm lo làm ăn, phát triển kinh tế nên khoảng cách giữa vợ chồng ngày càng nhiều, không khí gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng mệt mỏi. Khi xảy ra mâu thuẫn hai vợ chồng cũng đã nhiều lần nói chuyện nhưng tình cảm vợ chồng không thể cải thiện. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung, chị H xác định vợ chồng có 03 con chung là Phạm Duy Đ, sinh ngày 25/01/2005; Phạm Minh T, sinh ngày 30/9/2011 và Phạm Minh A, sinh ngày 30/9/2011. Cháu Đức hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên chị H không có yêu cầu gì; đối với cháu Phạm Minh T và cháu Phạm Minh A, khi ly hôn chị H tôn trọng nguyện vọng của các con, nếu các con ở với chị thì chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung, chị H xác định vợ chồng có vay của ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền 20.000.000đồng. Tuy nhiên, chị đã tất toán toàn bộ số nợ trên vào ngày 17/02/2023 nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ này và cũng không yêu cầu anh T có trách nhiệm trả cùng chị khoản vay này. Bên cạnh đó, vợ chồng có vay của chị Nguyễn Thị Hồng, sinh năm: 1983, địa chỉ: thôn 2, xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số tiền 20.000.000đồng, số nợ này vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết với chị Hồng nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra, chị H không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: vào năm 2004 anh và chị Nguyễn Thị H về chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới đến ngày 11/10/2005 mới đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn, tuy nhiên đến khoảng tháng 12/2022 vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn do chị H đi uống cà phê với bạn về khuya nên anh có ghen và tát chị H. Sau đó, anh biết lỗi nên đã xin lỗi chị H và có nhờ cả hai bên gia đình đến hòa giải nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H làm đơn đề nghị ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị H và muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi con chung. Về con chung, anh T xác định có ba cháu như chị H đã trình bày, cháu Đức hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên anh không có yêu cầu gì; đối với cháu Phạm Minh T và cháu Phạm Minh A, khi ly hôn anh tôn trọng nguyện vọng của các con, nếu các con không ở với anh thì anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3.000.000đồng/tháng/2 cháu. Về tài sản chung, anh T xác định vợ chồng thống

nhất tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung, anh T xác định vợ chồng có vay của ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà số tiền 20.000.000đồng. Tuy nhiên, chị H đã tắt toán toàn bộ số nợ trên vào ngày 17/02/2023 nên anh không yêu cầu gì. Bên cạnh đó, vợ chồng có vay của chị Nguyễn Thị Hồng, sinh năm: 1983, địa chỉ: thôn 2, xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số tiền 20.000.000đồng, số nợ này anh và chị H tự thỏa thuận giải quyết với chị Hồng nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra vợ chồng không còn vay nợ ai khác nên không yêu cầu gì.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành do chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn còn anh T không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Về con chung: giao cả hai con chung là Phạm Minh T, sinh ngày 30/9/2011 và Phạm Minh A, sinh ngày 30/9/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, theo nguyện vọng của con, việc cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự xác định tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí, buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* bị đơn anh Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị H và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 11/10/2005. Việc đăng ký kết hôn không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của chị H, anh T là hợp

pháp. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị H làm đơn khởi kiện ly hôn. Tại phiên tòa, chị H xác định không còn tình cảm với anh T nên vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn còn anh T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án anh T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên anh không đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống, không thật sự tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm nên xảy ra bất hòa. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cũng đã nhiều lần tìm cách để cải thiện tình cảm, đồng thời gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhưng không thành nên vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về con chung*: chị H và anh T có ba con chung là Phạm Duy Đ, sinh ngày 25/01/2005; Phạm Minh T, sinh ngày 30/9/2011 và Phạm Minh A, sinh ngày 30/9/2011, khi ly hôn chị H tôn trọng nguyện vọng của các con nếu các con ở với chị thì chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, còn cháu Đức đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên chị không yêu cầu gì. Xét thấy, hiện nay cháu Đức đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không đặt ra để xem xét giải quyết mà đây là trách nhiệm chung của chị H và anh T đối với con, còn đối với cháu Minh Thư và cháu Minh Anh cả hai đều là con gái, hiện nay các cháu đã trên 7 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt ổn định cho cháu Minh Thư và cháu Minh Anh, căn cứ khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình, giao con là Phạm Minh T, sinh ngày 30/9/2011 và Phạm Minh A, sinh ngày 30/9/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

[3] *Về việc cấp dưỡng nuôi con*: quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các buổi hòa giải anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Minh A và Phạm Minh T với số tiền là 3.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, đối với việc anh Trọng tự nguyện cấp dưỡng cho các con chị không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án. Đồng thời, chị H xác định từ khi vợ chồng ly thân đến nay một mình chị lo cho các con, anh T không chu cấp cùng chị trong việc nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con. Sau này, nếu chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và có yêu cầu khởi kiện thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] *Về tài sản chung*: chị H và anh T đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: đối với khoản vay của ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh tỉnh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà các đương sự xác định chị H đã tất toán toàn bộ số nợ trên vào ngày 17/02/2023 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bên cạnh đó, chị H cũng không yêu cầu anh T có trách nhiệm cùng trả với chị khoản vay này. Đồng thời, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh Lâm Đồng, phòng giao dịch huyện Lâm Hà xác định chị Nguyễn Thị H đã trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh của khoản vay cho ngân hàng và có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên nên không đặt ra để xem xét, giải quyết. Ngoài ra, các đương sự xác định có vay của chị Nguyễn Thị Hồng, địa chỉ: thôn 2, xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà số tiền 20.000.000đồng, khi ly hôn chị H và anh T cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên. Đồng thời, chị Nguyễn Thị Hồng cũng có văn bản không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên trong vụ án mà để các bên tự thỏa thuận với nhau nên không đặt ra để xem xét, giải quyết. Nếu sau này chị H và anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung và có yêu cầu khởi kiện thì sẽ xem xét bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] *Về án phí*: buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: giao con là Phạm Minh T, sinh ngày 30/9/2011 và Phạm Minh A, sinh ngày 30/9/2011 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012430 ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị H đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/5/2023), Riêng anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THADS huyện Lâm Hà;
- UBND xã Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thúy